

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14 – 11 – 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Dân.

2. Bà Trần Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 759/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 658/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đàm Mỹ N; cư trú số 50A, đường T, khóm A, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; hiện đang sinh sống tại số A6, Khu mua sắm H, khóm C, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh H; cư trú tại số 50A, đường T, khóm A, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Đàm Mỹ N và anh Trần Thanh H chung sống với nhau vào năm 2006 nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nguyên nhân theo chị N trình bày là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cãi vã với nhau và năm 2014, chị cũng đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh H nhưng do vợ chồng tự hàn gắn đoàn tụ được với nhau nên chị mới rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ khi rút đơn khởi kiện cho đến nay, anh chị vẫn không hàn gắn được, dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Tại toà, chị N xác định không có tình cảm với anh H nên yêu cầu Toà án giải

quyết cho chị ly hôn. Đối với anh H, tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Toà, cũng không gửi văn bản đề nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về con chung, chị N khai có 02 người con là Trần Khởi My, sinh ngày 10/7/2007 và Trần Khả Như, sinh ngày 11/8/2015. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Riêng cháu My có nguyện vọng được chung sống với chị N.

Về tài sản chung và nợ chung, chị N khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Thanh H đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân, chị Đàm Mỹ N và anh Trần Thanh H chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên toà, chị N khai nhận mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau và mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh H được, hiện chị cũng không còn tình cảm với anh H. Riêng anh H, quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo cho anh biết các vấn đề yêu cầu của chị N nhưng anh H không đến cũng không gửi ý kiến bằng văn bản đến Toà để phản bác hoặc phản tố đối với các yêu cầu khởi kiện của chị N hay cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu của chị N là chưa có căn cứ trong khi năm 2014, chị N đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh H nhưng chị đã rút lại đơn yêu cầu để vợ chồng cùng chung sống, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa anh chị lại tiếp tục diễn ra dù rằng sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, cuộc sống nằng ai nấy lo nên chị N tiếp tục khởi kiện yêu cầu xin ly hôn điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu về hôn nhân được chấp nhận.

[3] Về con chung là Trần Khởi My, sinh ngày 10/7/2007 và Trần Khả Như, sinh ngày 11/8/2015. Khi ly hôn, chị N nhận nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ. Tuy trong thời gian giải quyết vụ án, anh H đã được triệu tập hợp lệ và biết được việc chị N yêu cầu được nuôi con nhưng anh H không đến Toà cũng không có ý kiến gì. Cho nên, chưa có đủ căn cứ để xác định việc giao con cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là đảm bảo quyền lợi

mọi mặt của con. Vì vậy, yêu cầu của chị N về con là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với nguyện vọng của cháu My.

Đối với việc cấp dưỡng, tuy Toà án có giải thích cho chị N biết việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con nhưng chị N cho rằng chị có đủ điều kiện, khả năng để nuôi dưỡng con – đây là ý chí tự nguyện của chị N nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, chị N khai không có nên không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của chị Đàm Mỹ N về việc xin ly hôn anh Trần Thanh H.

- Về con chung là Trần Khởi My, sinh ngày 10/7/2007 và Trần Khả Như, sinh ngày 11/8/2015. Khi ly hôn, tiếp tục giao các con cho chị Đàm Mỹ N nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm anh Trần Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Đàm Mỹ N khai không có nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị Đàm Mỹ N phải chịu số tiền là 300.000đ. Ngày 28/8/2018, chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001257 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND thị trấn S,
Huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân

